


**BAKER TILLY  
A&C**
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0762/2012/BCTC-KTTV

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH**
**ĐẾN**

Số: 29971

Giờ: Ngày 29 tháng 8 năm 12

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Hóa An gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 27 tháng 7 năm 2012, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy các vấn đề sau đây:

- Công ty chưa xem xét đánh giá dự phòng giảm giá (nếu có) cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có giá trị trên sổ sách tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 17.217.545.400 VND và 2.146.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2 và V.15) do thiếu thông tin.
- Công ty chưa lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Tấn Định Fico và Công ty cổ phần xi măng Fico Tây Ninh với số tiền là 12.630.704.981 VND.
- Công ty treo lại chi phí bốc xếp, trung chuyển thành phẩm trong giá trị thành phẩm số tiền 2.296.566.127 VND. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, khoản chi phí này cần ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
- Do diện tích khai thác mỏ được cấp phép tăng, nên Công ty thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản làm chi phí khấu giảm so với mức cũ số tiền là 882.516.335 VND.
- Công ty tính thuế tài nguyên chưa theo giá tính thuế quy định, do đó số tiền thuế tính thiếu là 866.543.094 VND. Công ty giải thích cách tính này đã được cơ quan thuế địa phương chấp nhận, tuy nhiên không có công văn chấp thuận cụ thể.

Ngoài các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)**

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



**Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2012

**Nguyễn Thanh Ngọc Trâm - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1336/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Địa chỉ: Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
|                                                    |       |             | Năm nay                           | Năm trước       |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VL.1        | 110.894.381.052                   | 116.810.340.396 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VL.1        | -                                 | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VL.1        | 110.894.381.052                   | 116.810.340.396 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VL.2        | 91.087.504.440                    | 71.412.136.978  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 19.806.876.612                    | 45.398.203.418  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VL.3        | 1.321.273.948                     | 5.669.158.457   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VL.4        | 1.870.202.322                     | 4.717.617.641   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 2.602.824.029                     | 3.756.295.766   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VL.5        | 2.314.348.200                     | 3.595.882.161   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VL.6        | 5.877.642.027                     | 10.157.663.167  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 11.065.958.011                    | 32.596.198.906  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | -                                 | -               |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 36.087.900                        | 1.681.768.058   |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (36.087.900)                      | (1.681.768.058) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 11.029.870.111                    | 30.914.430.848  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.19        | 1.876.192.327                     | 8.213.452.111   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                                 | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 9.153.677.784                     | 22.700.978.737  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | 608                               | 1.507           |


Trần Sỹ Phúc  
Người lập biểu

Lê Thị Quyết  
Kế toán trưởng

Đồng lập, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Lợi Duy Hồng  
Tổng Giám đốc